TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 709/2024/DS-PT Ngày 05/9/2024 V/v "Tranh chấp thừa kế, yêu cầu vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024, về việc: "Tranh chấp thừa kế, yêu cầu vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2753/QĐPT, ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1967; có mặt.

Cư trú tại: Số 21/2/27 đường Nguyễn An N, k p 3, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A.

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị Kim Đ, sinh năm 1964; có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1957; có mặt.

Cùng cư trú tại: Số 21.. đường Nguyễn Thái B, khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1953; có mặt.

Cư trú tại: Số 153.., đường Sư T, ấp 2, xã Phước L, huyện Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1959; có mặt.

Cư trú tại: Số 11, đường Thành T, P 14, Q 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Huỳnh Thị Kim Th, sinh năm 1961; có mặt.

Cư trú tại: Số 6/7B, đường Châu Văn G, P 4, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

4. Bà Huỳnh Thị Tuyết V, sinh năm 1969; vắng mặt.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số 157/89, C2T2, đường Dương Bá Tr, P 1, Q 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện cư trú địa chỉ: En douhas de deven 32270, Aubiet, France.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vân: Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1967; có mặt.

Cư trú tại: Số 21/2/2.. đường Nguyễn An N, k p 3, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A - Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2022.

5. Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1971; vắng mặt.

Cư trú tại: Số 39/1, đường Lý Thường K, P 7, Q 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1973; có mặt.

Cư trú tại: Số 1280/2, đường Phạm Thế H, P 5, Q 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Huỳnh Thị Hồng Đ, sinh năm 1974; có mặt.

Cư trú tại: Số 117/2, đường Thành T, P 14, Q 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1976; có mặt.

Cư trú tại: Số 175/4, đường Nguyễn B, P 2, Q 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chị Trương Như H, sinh năm 1986 (con bà Phượng).

Cư trú tại: K 2, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng T.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Trương Như Y, sinh năm 2004; có mặt.

Cư trú tại: Ấp Phú Th, xã Long Kh, thị xã Cai L, tỉnh Tiền G - Theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2023.

10. Chị Trương Thị Như Ng, sinh năm 1992; có mặt.

11. Chị Trương Như Y, sinh năm 2004; có mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp Phú Th, xã Long Kh, thị xã Cai L, tỉnh Tiền G.

12. Ông Khưu Huỳnh D, sinh năm 1981; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh D: Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1957; có mặt.

Cư trú tại: Số 21 đường Nguyễn Thái B, khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A - Theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2023.

13. Ông Khưu Huỳnh V, sinh năm 1980; vắng mặt.

14. Bà Trương Thị Kiều S, sinh năm 1985; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kiều S: Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1957; theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023; vắng mặt.

15. Cháu Khưu Trương Huỳnh Thanh Tr, sinh năm 2016.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Tr: Ông Khưu Huỳnh V và bà Trương Thị Kiều S;vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 21 đường Nguyễn Thái B, khu phố Hòa Th 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A.

16. Ủy ban nhân dân thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn L - Chủ tịch; vắng mặt.

17. Văn phòng công chứng Lê Văn Đ (được chuyển đổi từ Phòng công chứng số 2 tỉnh Long A).

Người đại diện hợp pháp của Văn Phòng Công Chứng Lê Văn Đ: Bà Huỳnh Thị Lệ T - Trưởng văn phòng; có đơn vắng mặt.

Cư trú tại: Số 25, đường Nguyễn Thái B, k p 4, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H, bà H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Tuyết V (có yêu cầu độc lập), bà H trình bày:

Về hàng thừa kế: Cha bà là ông Huỳnh Văn C (chết năm 2008) và mẹ là bà Lưu Thị B (chết năm 2021). Cha mẹ bà có tổng cộng 12 người con gồm: Huỳnh Hữu Th, Huỳnh Thị Ngọc D, Huỳnh Thị Kim T, Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Thị Kim Đ, Huỳnh Thị Kim P (chết năm 2007), Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị Tuyết V, Huỳnh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Hồng Đ, Huỳnh Thị Bích T. Ngoài ra, ông C, bà B không còn vợ, chồng, con riêng hay con nuôi nào khác. Cha, mẹ của ông C, bà B cũng đã chết. Bà Huỳnh Thị Kim P chết năm 2007, bà P có 03 người con là: Trương Thị Như Ng, Trương Như H và Trương Như Y. Ngoài ra, bà P không còn con chung, con riêng nào khác.

Về di sản thừa kế: Nhà và đất thửa 47 tờ bản đồ số 01, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 215m^2, loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường Bình,

huyện Cần G, tỉnh Long A (nay là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT, đất tọa lạc tại thị trấn Cần G, huyện Cần G) có nguồn gốc là của cha, mẹ bà Hoàng là ông Huỳnh Văn C và bà Lưu Thị B mua của người khác. Khi mua xong thì vợ chồng bà B cất nhà tạm bằng gỗ trên đất để ở. Đến năm 2000 thì vợ chồng bà B xây dựng nhà tường kiên cố, hiện trạng đến nay không thay đổi. Bà Lưu Thị B được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 431837 ngày 12/6/1998, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1403/QSDĐ/0508-LA.

Ngày 26/3/2004, bà B lập "di chúc" để lại tài sản thuộc phần sở hữu của bà trong khối tài sản chung là nhà và đất thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2, đất tọa lạc tại xã Trường B (nay là thị trấn Cần G), huyện Cần G cho hai người con là Huỳnh Thị Ngọc D và Huỳnh Thị Kim Đ. Di chúc được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A công chứng ngày 26/3/2004, số công chứng 310 Quyển số: 01 TP/CC-HNGD. Ngày 02/10/2013, tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A, bà B và các con gồm: Ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Kim H, bà Huỳnh Thị Tuyết V lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2. Có nội dung thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của ông Huỳnh Văn C để lại cho bà Lưu Thị B được toàn quyền sử dụng và định đoạt. Theo bà H thì mục đích lập văn bản này để bà B thuận tiện vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân. Bà cũng không tranh chấp về văn bản thỏa thuận này vì thực tế vẫn là di sản của bà B và được chia theo pháp luật. Ngày 10/01/2015, tại Văn phòng công chứng Cần G, bà B lập "Văn bản hủy bỏ di chúc" về việc để lại di sản cho bà D và bà Đ đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1. Văn bản được Văn phòng công chứng Cần Giuộc công chứng ngày 10/01/2015, số công chứng 406 Quyển số: 01 TP/CC-SCC/HNGĐ.

Như vậy, tuy bà B có lập di chúc để lại di sản này cho bà Diện và bà Đơn nhưng di chúc này đã bị hủy. Việc hủy bỏ di chúc đã được Văn phòng công chứng công chứng hợp pháp nên bà xác định di chúc này không còn hiệu lực. Do ông C, bà B chết không để lại di chúc nên bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Công và bà Bo.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 07/4/2023, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023, thể hiện thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT, gồm:

- Khu A diện tích 125m^2, thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 61, trên đất có nhà và mái che.

- Khu B diện tích 13m^2, thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 61, trên đất có nhà ở.

- Khu C diện tích 2m^2, thuộc lối đi công cộng, mã đối tượng sử dụng UBQ, loại đất DGT, trên đất có mái che.

- Khu D diện tích 5m^2, thuộc lối đi công cộng, mã đối tượng sử dụng UBQ, loại đất DGT, trên đất có nhà.

Sau khi có kết quả đo đạc thực tế nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Bà H và bà V yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông C và bà B chết để lại là quyền sử dụng đất tại khu A diện tích đo đạc thực tế 125m^2 và căn nhà, mái che trên khu A cho những người thừa kế của ông C, bà B mỗi người hưởng một suất thừa kế theo pháp luật bằng nhau. Trong đó, bao gồm 12 đồng thừa kế và đồng ý trích 01 kỷ phần thừa kế là công sức chăm sóc, nuôi dưỡng, gìn giữ, quản lý di sản cho bà Đ và bà D là người trực tiếp quản lý di sản. Giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo chứng thư thẩm định giá số Vc 23/05/58/BĐS-LA ngày 26/5/2023 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam, nhà trên khu A bà đồng ý có giá trị là 250.000.000 đồng. Đồng ý giao cho bị đơn nhận bằng hiện vật nhà và đất, bị đơn có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế còn lại.

Về vị trí tranh chấp: Nguyên đơn chỉ tranh chấp phần đất và nhà tại khu A diện tích 125m^2 thuộc một phần thửa số 2 (trước đây là thửa 47), tờ bản đồ số 61 (trước đây là tờ bản đồ số 1), đất tọa lạc tại thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A và căn nhà, mái che trên khu A.

Đối với quyền sử dụng đất tại các vị trí khu B diện tích 13m^2 tuy theo ranh bản đồ thuộc một phần thửa số 2 nhưng hiện nay do người khác sử dụng đã cất nhà ở ổn định; khu C diện tích 2m^2 và khu D diện tích 5m^2 là đất nhà nước quản lý nên bà không tranh chấp gì đối với khu B, Khu C, khu D. Nhà và mái che khu C diện tích 2m^2 và khu D diện tích 5m^2 được xây trên đất công thì đồng ý không cộng vào di sản thừa kế nên được trừ giá trị khi chia thừa kế, khi nào nhà nước yêu cầu tháo dỡ thì bị đơn tự tháo dỡ.

Do đó, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn đồng ý căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế để giải quyết, không có ý kiến gì đối với diện tích thực tế giảm so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T có khởi kiện bổ sung yêu cầu vô hiệu "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường B, huyện Cần G, tỉnh Long A. Bà H đồng ý vì văn bản này không có đầy đủ những người thừa kế của ông C.

Về người ở trên đất: Hiện phần đất này có bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Khưu Huỳnh V (con bà D), ông Khưu Huỳnh D (con bà D), bà Trương Thị Kiều S (vợ ông V), Khưu Trương Huỳnh Thanh Tr (con ông V, bà S) đang sinh sống. Ngoài ra, không còn ai khác sinh sống trên đất. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp không còn vật kiến trúc, cây trồng gì khác. Hiện nay bà B vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không cầm cố, thế chấp cho tổ

chức, cá nhân nào. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc D đang giữ.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Khưu Huỳnh D, bà Trương Thị Kiều S thống nhất trình bày như sau:

Về hàng thừa kế: Bà Đ, bà D thống nhất với trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế. Cha các bà là ông Huỳnh Văn C (chết năm 2008) và mẹ là bà Lưu Thị B (chết năm 2021). Cha mẹ các bà có tổng cộng 12 người con gồm: Huỳnh Hữu Th, Huỳnh Thị Ngọc D, Huỳnh Thị Kim T, Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Thị Kim Đ, Huỳnh Thị Kim P, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị Tuyết V, Huỳnh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Mỹ O, Huỳnh Thị Hồng Đ, Huỳnh Thị Bích T. Ngoài ra, cha mẹ bà không còn vợ, chồng, con riêng hay con nuôi nào khác. Bà Huỳnh Thị Kim P chết năm 2007 có 03 người con là Trương Thị Như Ng, Trương Như H và Trương Như Y. Ngoài ra, bà Phượng không còn con chung, con riêng nào khác.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc và quá trình hình thành tài sản cụ thể như sau: Nhà và đất thửa 47 tờ bản đồ số 01, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 215m^2, loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường B, huyện Cần G, tỉnh Long A (nay là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT, đất tọa lạc tại thị trấn Cần G, huyện Cần G) có nguồn gốc là của cha, mẹ các bà là ông Huỳnh Văn C và bà Lưu Thị B mua của người khác. Khi mua xong thì vợ chồng bà B cất nhà tạm bằng gỗ trên đất để ở. Đến năm 2000 thì vợ chồng bà B xây dựng nhà tường kiên cố ở đến khi ông C, bà B chết thì bà D, bà Đ quản lý, hiện trạng không thay đổi. Hiện nay nhà và đất do bà diện, bà Đ đang quản lý, sử dụng. Bà Lưu Thị B được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 431837 ngày 12/6/1998, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1403/QSDĐ/0508-LA.

Ngày 26/3/2004, bà Bo lập "Di chúc" để lại tài sản thuộc phần sở hữu của bà B trong khối tài sản chung là nhà và đất thửa 47 cho bà D, bà Đ; di chúc được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A công chứng ngày 26/3/2004, số công chứng 310 Quyển số: 01 TP/CC-HNGD. Ngày 02/10/2013, tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A, bà Lưu Thị B và các con gồm: Ông Th, bà D, bà T, bà Th, bà Đ, bà H, bà V lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2. Có nội dung thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của ông Huỳnh Văn C để lại cho bà Lưu Thị B được toàn quyền sử dụng và định đoạt. Các bà không tranh chấp về văn bản thỏa thuận này vì thực tế vẫn là di sản của bà B. Ngày 10/01/2015, tại Văn phòng công chứng Cần G, bà Lưu Thị B lập "Văn bản hủy bỏ di chúc" về việc để lại di sản cho bà Huỳnh Thị Ngọc D và bà Huỳnh Thị Kim Đ đối với thửa số 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2; văn bản được Văn phòng công chứng Cần Giuộc công chứng ngày 10/01/2015, số công chứng 406 Quyển số: 01 TP/CC-SCC/HNGĐ. Khi lập di chúc thì bà B đã lớn tuổi, tinh thần không còn minh mẫn nên có xác nhận về tình trạng sức khỏe. Đến khi bà Bo hủy bỏ di chúc thì việc hủy bỏ chỉ có

xác nhận của Văn phòng công chứng, không có xác nhận của cơ quan chuyên môn về tình trạng sức khỏe, tinh thần của bà B. Do đó, các bà đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chia thừa kế theo pháp luật.

Trong vụ án này, bà Đ và bà D xác định không có bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào. Các bà cũng không có yêu cầu công nhận hiệu lực pháp luật của di chúc ngày 26/3/2004 của bà Lưu Thị B được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A công chứng ngày 26/3/2004. Trong trường hợp có căn cứ chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cha mẹ các bà để lại thì đề nghị Tòa án tính công sức nuôi dưỡng, quản lý, gìn giữ di sản cho các bà. Bởi vì, bà Đơn và bà Diện có công chăm sóc cha mẹ đến khi cha mẹ chết. Quá trình sinh sống thì có công sức trong việc quản lý, gìn giữ di sản đến nay. Theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Ph đo vẽ ngày 07/4/2023, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 10/4/2023, thể hiện:

- Khu A diện tích 125m^2, thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 61, trên đất có nhà và mái che.

- Khu B diện tích 13m^2, thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 61, trên đất có nhà ở.

- Khu C diện tích 2m^2, thuộc lối đi công cộng, mã đối tượng sử dụng UBQ, loại đất DGT, trên đất có mái che.

- Khu D diện tích 5m^2, thuộc lối đi công cộng, mã đối tượng sử dụng UBQ, loại đất DGT, trên đất có nhà.

Về vị trí tranh chấp: Thống nhất chỉ tranh chấp phần đất tại khu A diện tích 125m^2 thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 61 (trước đây là thửa 47, tờ bản đồ số 1), đất tọa lạc tại thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A và căn nhà, mái che trên khu A.

Đối với quyền sử dụng đất tại các vị trí khu B diện tích 13m^2 tuy theo ranh bản đồ thuộc một phần thửa số 2 nhưng hiện nay do người khác sử dụng đã cất nhà ở ổn định; khu C diện tích 2m^2 và khu D diện tích 5m^2 là đất nhà nước quản lý nên các bà không tranh chấp gì đối với khu B, khu C, khu D. Nhà và mái che khu C diện tích 2m^2 và khu D diện tích 5m^2 được xây trên đất công thì đồng ý không cộng vào di sản thừa kế nên được trừ giá trị khi chia thừa kế, khi nào nhà nước yêu cầu tháo dỡ thì bị đơn tự tháo dỡ. Do đó, đề nghị căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế để giải quyết, không có ý kiến gì đối với diện tích thực tế giảm so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Về cầm cố, thế chấp tài sản: Trước đây, bà B có thế chấp tài sản này để vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân Trị Y, bà B đã trả tiền, xoá thế chấp. Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do bà Lưu Thị B đứng tên, không cầm cố, thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn bà D đang giữ.

Về người ở trên đất: Hiện phần đất này có bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Khưu Huỳnh V (con bà D), ông Khưu Huỳnh D (con bà D), bà Trương Thị Kiều S (vợ ông V), Khưu Trương Huỳnh Thanh Tr (con ông V, bà S) đang sinh sống. Ngoài ra, không còn ai khác sinh sống trên đất. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp không còn vật kiến trúc, cây trồng gì khác. Đối với bà D, bà D, bà Đ, bà T khởi kiện bổ sung yêu cầu vô hiệu "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2 loại đất thổ, tọa lạc tại xã Trường B, huyện Cần G, tỉnh Long An thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Bích T, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Hồng Đ trình bày như sau:

Các bà thống nhất toàn bộ phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, nguồn gốc, quá trình hình thành, giao dịch có liên quan đến di sản thừa kế của ông C, bà B và người đang quản lý di sản như nguyên đơn trình bày.

Ngày 02/10/2013, bà Bo và các con gồm: Ông T, bà D, bà T, bà Th, bà Đ, bà H, bà V lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với. Có nội dung thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của ông Công để lại cho bà B được toàn quyền sử dụng và định đoạt khi các bà không biết đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bà.

Các bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định di sản của cha mẹ là ông C và bà B chết để lại là nhà và đất tại vị trí khu A của Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Ph đo vẽ ngày 07/4/2023, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023, nhà và đất tại các vị trí khác gồm khu B, khu C, khu D không tranh chấp yêu cầu gì. Trong đó, phần công trình nào xây trên đất công thì đồng ý không cộng vào di sản thừa kế nên được trừ giá trị khi chia thừa kế, khi nào nhà nước yêu cầu tháo dỡ thì bị đơn tự tháo dỡ. Do đó, đề nghị căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế để giải quyết, không có ý kiến gì đối với diện tích thực tế giảm so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Bà D, bà O, bà Đ, bà T khởi kiện yêu cầu như sau:

- Yêu cầu vô hiệu "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 215m^2 loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường B, huyện Cần G, tỉnh Long A.

- Yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tại khu A thành 13 kỷ phần bằng nhau. Trong đó, 12 kỷ phần cho 12 đồng thừa kế và trích 01 kỷ phần thừa kế là công sức chăm sóc, gìn giữ, quản lý di sản cho bà Đ và bà D. Các bà thống nhất giá trị nhà trên khu A là 250.000.000 đồng. H bà Đ, bà D đang quản lý nhà và đất nên các bà yêu cầu nhận bằng giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Huỳnh Hữu Th có yêu cầu độc lập trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Ông thống nhất toàn bộ phần trình bày của nguyên đơn và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim T và bà Huỳnh Thị Kim T có yêu cầu độc lập thống nhất trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Các bà thống nhất với toàn bộ phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế và di sản của cha mẹ là ông Huỳnh Văn C (chết năm 2008) và mẹ là bà Lưu Thị B (chết năm 2021) chết để lại và yêu cầu chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Như Y, bà Trương Như H, bà Trương Thị Như N có yêu cầu độc lập trình bày:

Các bà thống nhất toàn bộ phần trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hàng thừa kế, quá trình hình thành tài sản như nguyên đơn trình bày. Bà Huỳnh Thị Kim P chết năm 2007 là mẹ ruột của các bà. Bà P có 03 người con là Trương Như H, sinh năm 1986, Trương Thị Như Ng, sinh năm 1992 và Trương Như Y, sinh năm 2004. Ngoài ra, bà P không còn con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Chồng bà P cũng đã chết; yêu cầu chia di sản thừa kế cho bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khưu Huỳnh V trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông là con của bà D, hiện ông sống cùng với bà D trong căn nhà đang tranh chấp. Ông thống nhất với toàn bộ phần trình bày của bà Đ và bà D, kể cả các ý kiến trình bày thay đổi bổ sung từ nay trở về sau. Ông cam kết không khiếu nại về sau. Trong vụ án này, ông không có bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Do ông chỉ sinh sống trên đất, không có công sức đóng góp hay tài sản gì nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Lê Văn Đ trình bày tại văn bản số 61/CV-VPCCLVĐ ngày 23/9/2023 như sau:

Văn phòng công chứng Lê Văn Đ (được chuyển đổi từ Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A). Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng "Di chúc" của cụ B ngày 26/3/2004, số công chứng 310, Quyển số: 01 TP/CC-HNGD và "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2 loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường B, huyện Cần G, tỉnh Long A. Việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được thực hiện đúng quy định tại các Điều 35, 36, 49, Luật công chứng năm 2006 (nay là Điều 40, 41, 57 Luật công chứng năm 2014). Sau 15 ngày niêm yết, Phòng công chứng số 02 đã chứng nhận văn bản. Thời điểm chứng nhận các đương sự tham gia trong văn bản đã đọc, hiểu, đồng ý toàn bộ nội dung và ký tên trước mặt Công chứng viên. Văn phòng công chứng Lê Văn Đ xin vắng mặt không tham gia trong suốt quá trình

tòa án giải quyết vụ án (tất cả các buổi hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và phiên tòa xét xử vụ án tại các cấp).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn Cần G trình bày tại văn bản số 1614/UBND-ĐCXD ngày 15/12/2023 như sau:

Theo Mảnh Trích đo địa chính số 77-2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023 thể hiện khu C diện tích 2m^2 và khu D diện tích 5m^2 là lối đi công cộng, theo hồ sơ địa chính tỷ lệ 1/2000 đây là đất do Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý, sử dụng làm lối đi chung. Ủy ban nhân dân thị trấn Cần G yêu cầu vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự số 06/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 147, 157, 165, 244, 266, 271, 273, 278, 280, 474, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 128, 212 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T về việc yêu cầu vô hiệu giao dịch dân sự là "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A; được xác lập giữa bà Lưu Thị B với bà Huỳnh Thị Kim H, bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V.

Tuyên bố vô hiệu "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A; được xác lập giữa bà Lưu Thị B với bà Huỳnh Thị Kim H, bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T, bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H, bà Trương Như Y về việc tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị B là quyền sử dụng

đất và nhà tại khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2; trong đó diện tích nhà 59m^2, diện tích mái che 66m^2 (nhà tạm) thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 01, loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường B (nay có số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT, đất tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G), huyện Cần G, tỉnh Long A, do bà Lưu Thị B được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 431837 ngày 12/6/1998, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1403/QSDĐ/0508-LA.

2.1. Xác định di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị B là quyền sử dụng đất và nhà tại vị trí khu A, cụ thể quyền sử dụng đất khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2 và tài sản trên khu A gồm nhà 59m^2, diện tích mái che 66m^2 (nhà tạm) thuộc thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 01, loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường B (nay số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G), huyện Cần G, tỉnh Long A theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Ph, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023. Di sản có tổng giá trị là 5.689.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu đồng).

2.2. Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất và nhà thuộc quyền sử dụng đất tại vị trí khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2, thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 01 (nay số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61), tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A (quyền sử dụng đất khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2 và căn nhà trên đất gồm nhà chính 59m^2, nhà tạm (mái che) diện tích 66m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Ph, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023); cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T mỗi người được chia kỷ phần thừa kế theo pháp luật có giá trị là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H, bà Trương Như Y được chia một kỷ phần thừa kế thế vị theo pháp luật (phần của bà Huỳnh Thị Kim P đã chết) có giá trị là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ mỗi người được chia kỷ phần thừa kế theo pháp luật có giá trị là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) và công sức với số tiền là 218.807.500 đồng (hai trăm mười tám triệu tám trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng - là ½ kỷ phần thừa kế).

2.3. Bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tại vị trí khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2 và nhà trên khu A gồm nhà chính diện tích 59m^2, nhà tạm (mái che) diện tích 66m^2, thuộc đất số 47, tờ bản đồ số 01, loại đất thổ (nay có số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ

số 61, loại đất ODT), đất tọa lạc tại khu phố Hòa Th 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 10/4/2023.

Bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ được quyền sử dụng và liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất tại vị trí khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2 thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT (thửa cũ 47, tờ bản đồ số 01, loại đất thổ), đất tọa lạc tại khu phố Hòa T1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long Anvà nhà trên khu A diện tích 59m^2, nhà tạm (mái che) diện tích 66m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 10/4/2023.

Các đương sự có nghĩa vụ nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi, điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền, Cơ quan Tài nguyên môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thu hồi, chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Toà án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

(Vị trí, tứ cận, tờ bản đồ, diện tích, loại đất, tài sản nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Ph, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023-kèm theo bản án).

2.4. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T mỗi người số tiền là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng - kỷ phần thừa kế theo pháp luật bằng giá trị).

2.5. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H, bà Trương Như Y số tiền là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng – một suất thừa kế thế vị của bà Huỳnh Thị Kim P).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, đo vẽ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/01/2024 bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim H.

Tại phiên tòa bà D, bà Đ giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Bà D, bà Đ trình bày khi còn sống cụ B đã lập "Di chúc" tặng cho nhà đất bà Diện, bà Đ không được bán nhà đất mà dùng để ở; cụ B hủy bỏ Di chúc khi cụ Bo 81 tuổi, không còn minh mẫn. Hơn nữa, nhà đất là nơi ở duy nhất của bà D, bà Đ nên không chấp nhận yêu cầu của các đương sự về chia thừa kế nhà đất.

Bà H đại diện cho người thừa kế trình bày: Trước đây cụ B có lập "Di chúc" tặng cho nhà đất bà D, bà Đ dùng để ở, nhưng sau đó cụ Bo cùng với các con trong đó có cả bà D, bà Đ lập "Văn bản hủy bỏ di chúc" tặng cho bà D, bà Đ nhằm mục đích để nhà đất cụ B đứng tên là hoàn toàn đúng theo ý chí của của Bo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự khác không trình bày ý kiến gì thêm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của bà D, bà Đ các đương sự đều thừa nhận 125m^2 và tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ C, cụ B; khi còn sống cụ B lập Di chúc, sau đó hủy bỏ Di chúc là đúng ý chí của cụ B nên phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm hủy bỏ Văn bản phân chia di sản thừa kế, đã xem xét công sức của bà D, bà Đ và chia thừa kế là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà D, bà Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc Diện, bà Huỳnh Thị Kim Đ đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Cụ Huỳnh Văn C (chết năm 2008) và cụ Lưu Thị B (chết năm 2021), có 12 người con chung gồm: Huỳnh Hữu Th, Huỳnh Thị Ngọc D, Huỳnh Thị Kim T, Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Thị Kim Đ, Huỳnh Thị Kim P (chết năm 2007 có 3 con là Trương Thị Như Ng, Trương Như H và Trương Như Y), Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị Tuyết V, Huỳnh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Mỹ O, Huỳnh Thị Hồng Đ, Huỳnh Thị Bích T. Trong quá trình chung sống cụ C và cụ B sang nhượng được một phần đất và xây dựng nhà để ở; đến ngày 12/6/1998 UBND huyện Cần Giuộc, tỉnh Long A cấp Giấy CNQSDĐ cho cụ Lưu Thị B diện tích 215m^2 đất, tại thửa 47, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 02, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT), đất tọa lạc tại thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A.

[3]. Ngày 26/3/2004, cụ Lưu Thị B lập "Di chúc" để lại tài sản thuộc phần sở hữu của cụ trong khối tài sản chung là nhà và đất tại thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2, đất tọa lạc tại xã Trường B (nay là thị trấn Cần G), huyện Cần G tỉnh Long A của cụ B cho hai người con là Huỳnh Thị Ngọc D và Huỳnh Thị Kim Đ. Di chúc được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A công chứng ngày 26/3/2004. Tuy nhiên, đến ngày 10/01/2015, cụ Lưu Thị B lập "Văn bản hủy bỏ di chúc" về việc để lại di sản cho bà Huỳnh Thị Ngọc D và bà Huỳnh Thị Kim Đ đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2, được Văn Phòng công chứng Cần G công chứng ngày 10/01/2015. Nay, bà D và bà Đ cho rằng cụ B lập Văn bản ngày 10/01/2015 để huỷ bỏ Di chúc ngày 26/3/2004, khi cụ Bo 81 tuổi nhưng bà Dvà bà Đ không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc huỷ bỏ Di chúc của cụ Bo là không tự nguyện, bị ép buộc, đe doạ hay không minh mẫn. Hơn nữa, trước khi lập văn bản hủy bỏ Di chúc thì ngày 02/10/2013, cụ Bo cùng các con là ông Huỳnh Hữu Th bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Kim H, bà Huỳnh Thị Tuyết V lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long A công chứng ngày 02/10/2013, thửa đất 47, tờ bản đồ số 1, diện tích 215m^2, nội dung thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của cụ Huỳnh Văn C để lại cho cụ Lưu Thị B được toàn quyền sử dụng và định đoạt. Như vậy, đến năm 2013 cụ Bo đã thay đổi ý chí không để tài sản cho bà D và bà Đ, được thể hiện tại "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" lập ngày 02/10/2013, có sự tham gia ký nhận của bà D và bà Đ, để cho cụ B được toàn quyền sử dụng và định đoạt nhà đất. Do đó, ngày 10/01/2015, cụ B lập "Văn bản hủy bỏ di chúc" để lại di sản cho bà D và bà Đ là đúng với ý chí của cụ Bo.

[4]. Sau khi thẩm định tại chỗ, đo đạc thực tế, các đương sự thống nhất đất tại khu A, diện tích thực tế là 125m^2, thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 61 (thửa cũ là thửa 47, tờ bản đồ số 01) và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4, mái che trên đất, tọa lạc tại khu phố Hòa T1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A là di sản của cụ Huỳnh Văn C và cụ Lưu Thị B chết để lại. Cụ C và cụ B có 12 người con chung nhưng khi lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" ngày 02/10/2013 chỉ có 7 người con tham gia và thống nhất giao nhà đất cho cụ Lưu Thị B được toàn quyền sử dụng và định đoạt là chưa phù hợp nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" bị vô hiệu là có cơ sở và xác định phần đất tại khu A diện tích đo đạc thực tế 125m^2; nhà và mái che trên khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023 là di sản của cụ Công và cụ Bo chết để lại được chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[5]. Giá trị di sản thừa kế: Theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023, phần đất khu A có diện tích thực tế là 125m^2; trong đó diện tích nhà 59m^2, diện tích mái che 66m^2 (nhà tạm). Theo chứng thư thẩm định giá số Vc 23/05/58/BĐS-LA ngày 26/5/2023 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam và sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, cụ thể: Giá trị quyền sử dụng đất khu A diện tích 125m^2 có giá 5.439.000.000 đồng (125m^2 x 43.512.000 đồng). Giá trị nhà chính, nhà phụ, công trình trên khu A có giá là 250.000.000 đồng. Tổng di sản thừa kế là nhà và đất có giá trị: 5.689.000.000 đồng. Bà Đơn và bà Diện có công sức nuôi

dưỡng cha mẹ người để lại di sản và gìn giữ nhà đất từ năm 2021 (khi cụ Bo chết). Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức cho bà Đ và bà D được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là phù hợp. Nhà đất hiện do bà D và bà Đ đang quản lý, sử dụng; đây là nơi ở duy nhất của bà D, bà Đ và các con của bà D; những người thừa kế còn lại đã có nơi ở ổn định khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao nhà đất cho bà D và bà Đ được sở hữu và sử dụng, chấp nhận yêu cầu của những người thừa kế còn lại nhận giá trị bằng tiền là phù hợp. Nên bà D và bà Đ liên đới thanh toán cho mỗi người Huỳnh Hữu Th, Huỳnh Thị Kim T, Huỳnh Thị Kim Th, Huỳnh Thị Kim P (chết năm 2007 có 3 con là Trương Thị Như Ng, Trương Như H và Trương Như Ý), Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị Tuyết V, Huỳnh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Mỹ O, Huỳnh Thị Hồng Đ, Huỳnh Thị Bích T 01 kỷ phần thừa kế trị giá là 437.615.000 đồng là có cơ sở.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định tại chỗ, đo vẽ, án phí không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của người kháng cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi nội dung vụ án nên bác đơn kháng cáo của bà D và bà Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm, do bà D và bà Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ; giữ nguyên Bản án dân sự số 06/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T về việc yêu cầu vô hiệu giao dịch dân sự là "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa

47, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A; được xác lập giữa cụ Lưu Thị B với bà Huỳnh Thị Kim H, bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V.

Tuyên bố vô hiệu "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" được Phòng công chứng số 02 tỉnh Long An công chứng ngày 02/10/2013, số công chứng 006689, Quyển số: 07 TP/CC-SCC/TK, đối với thửa 47, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A; được xác lập giữa bà Lưu Thị B với bà Huỳnh Thị Kim H, bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Tuyết V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Huỳnh Hữu Thi, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Tuyết V, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T, bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H, bà Trương Như Y về việc tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Huỳnh Văn C và cụ Lưu Thị B là quyền sử dụng đất và nhà tại khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2; trong đó diện tích nhà 59m^2, diện tích mái che 66m^2 (nhà tạm) thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 01, loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường B (nay có số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT, đất tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G), huyện Cần G, tỉnh Long A , do cụ Lưu Thị B được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 431837 ngày 12/6/1998, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1403/QSDĐ/0508-LA.

2.1. Xác định di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị B là quyền sử dụng đất và nhà tại vị trí khu A, cụ thể quyền sử dụng đất khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2 và tài sản trên khu A gồm nhà 59m^2, diện tích mái che 66m^2 (nhà tạm) thuộc thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 01, loại đất thổ, đất tọa lạc tại xã Trường Bình (nay số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố Hòa 1, thị trấn Cần G), huyện Cần G, tỉnh Long A theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023. Di sản có tổng giá trị là 5.689.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu đồng).

2.2. Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất và nhà thuộc quyền sử dụng đất tại vị trí khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2, thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 01 (nay số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61), tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A (quyền sử dụng đất khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2 và căn nhà trên đất gồm nhà chính 59m^2, nhà tạm (mái che) diện tích 66m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng P, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 10/4/2023); cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T mỗi người được chia kỷ phần thừa kế theo pháp luật có giá trị là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H, bà Trương Như Y được chia một kỷ phần thừa kế thế vị theo pháp luật (phần của bà Huỳnh Thị Kim P đã chết) có giá trị là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ mỗi người được chia kỷ phần thừa kế theo pháp luật có giá trị là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) và công sức với số tiền là 218.807.500 đồng (hai trăm mười tám triệu tám trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng - là ½ kỷ phần thừa kế).

2.3. Bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tại vị trí khu A có diện tích đo đạc thực tế 125m^2 và nhà trên khu A gồm nhà chính diện tích 59m^2, nhà tạm (mái che) diện tích 66m^2, thuộc đất số 47, tờ bản đồ số 01, loại đất thổ (nay có số thửa mới là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 61, loại đất ODT), đất tọa lạc tại khu phố Hòa T 1, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long A theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 10/4/2023.

Bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ được quyền sử dụng và liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

(Vị trí, tứ cận, tờ bản đồ, diện tích, loại đất, tài sản nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 77-2023 ngày 07/4/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Ph được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 10/4/2023-kèm theo bản án).

2.4. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim H, ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V, bà Huỳnh Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị Mỹ , bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T mỗi người số tiền là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng - kỷ phần thừa kế theo pháp luật bằng giá trị).

2.5. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H bà Trương Như Y số tiền là 437.615.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng – một suất thừa kế thế vị của bà Huỳnh Thị Kim P).

Các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án.

3. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng cộng là 21.200.000 đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh Thị Kim H đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền 21.200.000 đồng.

3.1. Buộc bà Huỳnh Thị Kim H phải chịu 1.766.666 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), bà H đã nộp và chi phí xong).

3.2. Buộc ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Tuyết V, bà Huỳnh Thị Mỹ , bà Huỳnh Thị Mỹ O, bà Huỳnh Thị Hồng Đ, bà Huỳnh Thị Bích T, bà Huỳnh Thị Kim Đ, bà Huỳnh Thị Ngọc D mỗi người có nghĩa vụ nộp số tiền 1.766.666 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) để hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim H.

3.3. Buộc bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H, bà Trương Như Y có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 1.766.666 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) để hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim H.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Huỳnh Hữu Th, bà Huỳnh Thị Kim T, bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ được miễn án phí.

5.2. Bà Huỳnh Thị Kim H phải chịu 21.504.600 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí. Khấu trừ 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001088 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần G, tỉnh Long A. Bà H còn phải nộp tiếp 2.064.600 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí.

5.3. Bà Huỳnh Thị Tuyết V phải chịu 21.504.600 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí. Khấu trừ 10.958.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012154 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần G, tỉnh Long A. Bà Vân còn phải nộp tiếp 10.546.600 đồng (mười triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí.

5.4. Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu 21.504.600 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí. Khấu trừ 10.958.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012130 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần G, tỉnh Long A và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000059 ngày 15/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long A. Bà D còn phải nộp tiếp 10.246.600 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí.

5.5. Bà Huỳnh Thị Mỹ O phải chịu 21.504.600 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí. Khấu trừ 10.958.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012131 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000061 ngày 15/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long A. Bà O còn phải nộp tiếp 10.246.600 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí.

5.6. Bà Huỳnh Thị Hồng Đ phải chịu 21.504.600 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí. Khấu trừ 10.958.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012132 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần G, tỉnh Long A và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000062 ngày 15/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long A. Bà Đ còn phải nộp tiếp 10.246.600 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí.

5.7. Bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu 21.504.600 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí chia thừa kế và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí yêu cầu vô hiệu văn bản phân chia di sản thừa kế. Khấu trừ 10.958.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012133 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000060 ngày 15/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long A. Bà T còn phải nộp tiếp 10.546.600 đồng (mười triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí.

5.8. Bà Trương Thị Như Ng, bà Trương Như H, bà Trương Như Y phải liên đới chịu 21.504.600 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí. Khấu trừ 10.958.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000057 ngày 15/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long A. Bà Ngọc, bà H, bà Y còn phải liên đới nộp tiếp 10.546.600 đồng (mười triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim Đ được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tâm - Trần Thị Hòa Hiệp **Đặng Văn Ý**

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long A;
- VKSND tỉnh Long A;
- Cục THADS tỉnh Long A;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Văn Khoa **Đinh Ngọc Thu Hương** **Đặng Văn Ý**